

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Nguyễn Hữu Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị VTTH; địa chỉ: Số 5 đường A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh MTL; địa chỉ: Số 5 đường A, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị VTTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị VTTH và anh MTL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-5-1999. Quá trình chung sống đến năm 2011, hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh MTL thường xuyên uống rượu, đánh bạc, đi chơi về muộn, chửi, đánh vợ, con vô cớ, thiếu quan tâm tình cảm, trách nhiệm với vợ, con. Nhiều lần

bị bạo hành làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của vợ, con, chị phải đưa con về nhà bố mẹ sống thời gian dài tránh vũ lực của anh MTL. Chị cố gắng chịu đựng rất nhiều, nhưng đến nay anh MTL không thay đổi, mặc dù bố mẹ, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần. Anh MTL tự viết bản cam kết ngày 17-11-2018 về việc cam đoan không tái phạm hành vi, lời nói thiếu văn hóa và có hành vi côn đồ với gia đình, nhưng thực tế anh MTL không cải thiện, thay đổi gì. Gần đây, anh MTL uống rượu say, tiếp tục đánh chị và con, nên chị phải đưa cháu C về sống ở nhà bố mẹ đẻ tại số 43/113 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng từ tháng 6-2019 cho đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh MTL.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu G, sinh ngày 21-3-1998 và cháu C, sinh ngày 28-7-2004, hiện đang sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu C. Về cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu anh MTL phải cấp dưỡng nuôi cháu C 8.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Căn cứ cho yêu cầu của chị do tiền học phí, bồi dưỡng, chi phí ở trường học khoảng 2.300.000 đồng/tháng, tiền học thêm và chi phí ăn uống, sinh hoạt khác khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Tiền lương của chị là cán bộ của Phòng Cảnh sát đường thủy Công an thành phố Hải Phòng khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh MTL trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, những nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân không được cải thiện, thực trạng ly thân từ tháng 6-2019. Anh thừa nhận nhiều lần sau khi đi trực về, có tham gia cùng bạn bè uống rượu về muộn, thiếu sót chưa quan tâm nhiều đến vợ, con và gia đình. Việc chị VTTH cùng con về sống ly thân ở nhà bố mẹ vợ nhiều lần đều do sự nóng nảy, thiếu kiềm chế, cục tính của mình, do say rượu nên anh không nhớ việc đánh vợ, con thế nào, nhưng cam đoan sẽ cố gắng kiềm chế bản thân. Bố mẹ đẻ và gia đình vợ cũng khuyên giải nhiều lần, nhưng anh có tính nóng nảy, chưa thay đổi được nhiều theo mong muốn của chị VTTH. Anh vẫn thương vợ, con thể hiện trong nội dung của Bản cam kết ngày 17-11-2018, nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng anh không muốn ly hôn vợ. Trường hợp chị VTTH cương quyết yêu cầu ly hôn, thì anh cũng đồng ý ly hôn chị VTTH.

Về con chung: Anh thừa nhận có hai con chung như trình bày của chị VTTH. Anh chấp thuận yêu cầu của chị VTTH, nguyện vọng của cháu Mai Thành Vinh về việc chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng cháu C cho đến khi đủ 18 tuổi sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị VTTH, cấp dưỡng cho cháu C 3.000.000 đồng/tháng sau khi ly hôn. Anh là thương binh 4/4, sức khỏe yếu, thường phải điều trị thuốc về đầu, chân với số tiền lớn hàng tháng, mặc dù lương của anh là chiến sĩ công an của Phòng Cảnh sát giao thông Đường bộ - Đường sắt Công an thành phố Hải Phòng khoảng 14.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng, trong đó thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và ra quyết định mở phiên tòa đúng thời hạn theo quy định Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định theo các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù có mặt tại phiên tòa. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị VTTH được ly hôn anh MTL, giao chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng cháu C cho đến khi đủ 18 tuổi sau khi ly hôn. Đề nghị buộc anh MTL phải cấp dưỡng cho cháu C 3.000.000 đồng/tháng sau khi ly hôn; không giải quyết về tài sản chung; nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án thụ lý, giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con bảo đảm quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTTH và anh MTL đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nhưng không có sự thay đổi đáng kể nào cải thiện tình trạng kéo dài đó; chị VTTH cùng con chuyển về nhà bố mẹ chị VTTH nhiều lần sống ly thân, trong đó lần gần nhất từ tháng 6-2019 cho đến nay. Anh MTL thừa nhận việc cam kết, nhưng do nóng tính, thiếu kiềm chế bản thân, nên có nhiều hành vi biểu hiện sự bạo hành, gây bức xúc cho vợ, con trong thời gian dài. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ được Tòa án xác minh, thu thập khách quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ ý kiến Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, phù hợp với trình bày của đương sự. Do vậy, đủ cơ sở khẳng định: Trong quá trình hôn nhân, anh MTL mâu thuẫn với chị VTTH kéo dài nhiều năm, thiếu tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ danh dự, uy tín cho nhau, tuy được người thân thích hòa giải nhiều lần, nhưng không có thay đổi, cải thiện thực sự. Anh MTL có một số hành vi biểu hiện bạo lực gia đình, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của chị VTTH, nên không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Điều 21 và vi phạm điều cấm theo điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ, chồng anh chị thiếu quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau, không chia sẻ, giúp đỡ, trách nhiệm chung trong công việc gia đình, không thực hiện đúng trách nhiệm

theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, quan hệ giữa vợ và chồng của chị VTTH, anh MTL trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn tình nghĩa vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị VTTH được ly hôn anh MTL là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nhận định về con chung và trách nhiệm cấp dưỡng:

[3] Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị VTTH, ý kiến thống nhất của anh MTL, nguyện vọng của cháu C về việc sau khi ly hôn giao con chung là C cho chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai có yêu cầu đối với cháu G, sinh năm 1998 đã trưởng thành, trên 18 tuổi, nên Tòa án không giải quyết.

[4] Theo các điều 69, 70, 71 và 72 của Luật Hôn nhân và gia đình, thì chị VTTH và anh MTL có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau đảm bảo trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục, làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Theo khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình. Việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con không sống chung với mình cho đến khi con đủ 18 tuổi là trách nhiệm cần thiết của anh MTL. Tuy nhiên, điều kiện, hoàn cảnh của anh MTL là thương binh 4/4, thường phải chi phí điều trị thuốc, sinh hoạt bản thân. Cần xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các nhu cầu thiết yếu của cháu C đang học lớp 10, sức khỏe bình thường và chị VTTH có thu nhập ổn định. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc anh MTL phải cấp dưỡng cho cháu C 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Kiến nghị Cơ quan Quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú của đương sự và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, khi đủ căn cứ xác định có hành vi bạo lực gia đình thuộc trường hợp cấm các hành vi vi phạm bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình theo điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các hành vi bạo lực gia đình bị nghiêm cấm theo Điều 2, khoản 1 Điều 8 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, hành vi bạo lực gia đình. Luật Hôn nhân và Gia đình quy định chế độ hôn nhân và gia đình phải bảo đảm nguyên tắc: *Xây dựng gia đình ấm no, tiến*

bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình: Bảo vệ, giúp đỡ kịp thời nạn nhân bạo lực gia đình, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em và phụ nữ. Mặt khác, anh MTL và chị VTTH đều là cán bộ, chiến sĩ công an, nên phải tuân thủ nghiêm túc Thông tư số 27/2017/TT-BCA ngày 22-8-2017 của Bộ Công an quy định về quy tắc ứng xử của Công an nhân dân về việc ứng xử trong gia đình, bảo đảm gương mẫu, vận động, giáo dục người thân trong gia đình chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương nơi cư trú; nêu gương trong sinh hoạt, thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; xây dựng lối sống lành mạnh, hòa thuận, tiến bộ, hạnh phúc.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị VTTH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh MTL phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị VTTH.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị VTTH được ly hôn anh MTL.

- Về con chung: Giao con chung là cháu C, sinh ngày 28-7-2004 cho chị VTTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh MTL phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản: Dương sự không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị VTTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008349 ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, nên chị VTTH nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh MTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường A, quận B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh